

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HCD
Năm báo cáo: 2019

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2020

MỤC LỤC:

I. Thông tin chung/ General information	1
1. Thông tin khái quát/ General information	1
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:	1
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus	2
4. Định hướng phát triển/ Development orientations	5
5. Các rủi ro/ Risks: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/ Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).	6
II. Tình hình hoạt động trong năm 2019/ Yearly Operations	7
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations	7
2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource	7
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation	10
4. Tình hình tài chính/ Financial situation	11
a) Tình hình tài chính/ Financial situation	11
b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:	11
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.	13
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Report related impact of the Company on the environment and society	14
6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:	14
6.2. Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption:	14
6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ Water consumption (water consumption of business activities in the year)	15
6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:Theo quy định chung	15
6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees	15
6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.	15
6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ Green capital market activities under the guidance of the SSC.	15
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)	16
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results	16
2. Tình hình tài chính/ Financial Situation	16
a) Tình hình tài sản/ Assets	16

b) Tình hình nợ phải trả/ <i>Liabilities</i>	16
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)	17
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.:	17
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance	17
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors	18
V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/ <i>Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section</i>).	18
1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors	18
2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors	23
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors	23
VI. Báo cáo tài chính/ Financial statements	25
1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions: Chấp nhận toàn phần	25
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements	25

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT
Công ty CP đầu tư sx và TM HCD /Name of Company
Năm báo cáo 2019/Year

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch/ *Trading name*: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HCD
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ *Certificate of business registration No*: 0800940115
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: 270 tỷ đồng
- Địa chỉ/ *Address*: Số 122B, Phố Quang Trung, Phường Quang Trung, TP Hải Dương
- VPĐH : F6-F7 KĐT Mới Ngô Thị Nhậm, Hà Đông, Hà Nội
- Số điện thoại/ *Telephone*: 024.33518419
- Số fax/ *Fax*: 024.33518430
- Website: hcdgroup.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có)/ *Securities code (if any)*: HCD

Quá trình hình thành và phát triển/ Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển/ *Foundation and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ *Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now*):

+ Công ty cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD (HCD INVESTPRO., JSC) tiền thân là Công ty cổ phần Luyện kim HCD được thành lập ngày 06 tháng 12 năm 2011 tại tỉnh Hải Dương dựa trên ý tưởng hợp nhất và định hướng rõ ràng của các cổ đông sáng lập là những chuyên gia Quản trị, Thương mại, Tài chính và Luật pháp hàng đầu tại Việt nam có bề dày kinh nghiệm và thâm niên lâu năm trong lĩnh vực cung ứng nguyên liệu hạt nhựa và vật liệu xây dựng.

+ Để có thể thực thi và kiểm soát tốt định hướng chiến lược đó thì vào tháng 1/2016 tại ĐHCĐ thường niên, công ty quyết định nâng tầm hoạt động của công ty lên thành công ty đại chúng vào đầu năm 2016 để thu hút thêm các kênh huy động vốn từ các nhà đầu tư, tạo động lực cho HCD thực hiện được sứ mệnh tầm nhìn của mình và luôn cam kết đáp lại sự tin tưởng khi đồng hành cũng như hợp tác của các nhà đầu tư đã dành cho HCD.

- Các sự kiện khác/ *Other events*:

- + Tháng 8/2017, Nhà máy sản xuất bao bì HCD chính thức đi vào vận hành
- + Năm 2018 Nhà máy bao bì HCD tại Bắc Ninh hoạt động full công suất thiết kế
- + Năm 2018 Công ty mở rộng sản xuất lĩnh vực “Tấm ốp nhựa đá” : đây là vật liệu mới trong thị công hoàn thiện xây dựng.
- + Ngày 12/12/2019 Công ty được Cục sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 334960.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:

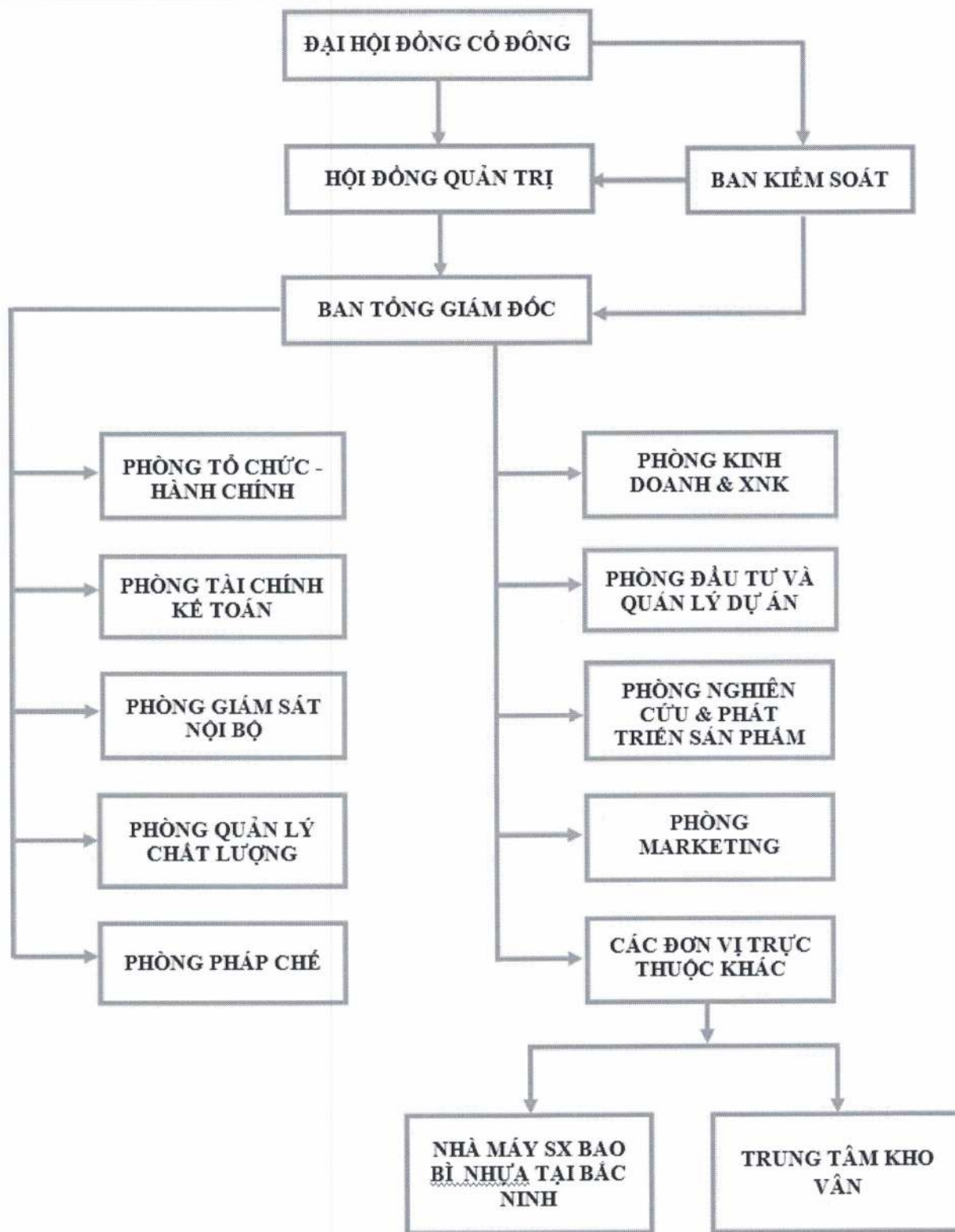
- Ngành nghề kinh doanh/ *Lines of the business*: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major lines of*

business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years). Kinh doanh XNK hạt nhựa nguyên sinh, các sản phẩm từ nhựa, sản xuất bao bì màng mỏng, kinh doanh vật liệu hoàn thiện trong ngành xây dựng

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*). Trong nước và Quốc tế

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ *Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị/ *Governance model*.



- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure*. Cơ cấu tổ chức của Công ty theo mô hình công ty cổ phần, bao gồm:

- + Đại hội đồng cổ đông.
- + Hội đồng quản trị (HDQT)
- + Ban kiểm soát.

- + Ban tổng giám đốc.
- + Các phòng chuyên môn.
- + Nhà máy sản xuất, Trung tâm kho vận

Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định các vấn đề liên quan tới phương hướng hoạt động, vốn điều lệ, kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty, nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những vấn đề khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và những người quản lý khác.

Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay gồm 05 thành viên trong đó có 02 thành viên là thành viên độc lập không điều hành:

- Ông Nguyễn Đức Dũng - Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Tổng giám đốc;
- Ông Vũ Nhân Tiến - Ủy viên;
- Bà Lê Thị Thu Thủy - Ủy viên;
- Ông Nguyễn Như Dương - Ủy viên;
- Ông Nguyễn Hữu Quyên - Ủy viên.

Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có trách nhiệm kiểm tra báo cáo tài chính hàng năm, xem xét các báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ và các nhiệm vụ khác thuộc thẩm quyền được quy định trong Điều lệ Công ty.

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay gồm 03 thành viên:

- Bà Hoàng Kim Thùy – Trưởng ban kiểm soát;
- Bà Nguyễn Thị Thanh Phương – Thành viên;
- Bà Đoàn Thị Hoài – Thành viên.

Ban Giám đốc:

- **Tổng Giám đốc:** Tổng Giám đốc điều hành là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc Tổng

Giám đốc là các Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc công ty con và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.

- **Các Phó Tổng giám đốc:** Các Phó tổng giám đốc là người giúp Tổng giám đốc quản lý điều hành một lĩnh vực hoặc một số lĩnh vực được Tổng Giám đốc phân công, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và trước Pháp luật về lĩnh vực mình được phân công phụ trách.

Ban Giám đốc của Công ty hiện nay gồm 01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc:

- | | |
|-----------------------|--------------------------|
| + Ông Nguyễn Đức Dũng | - Tổng Giám đốc Công ty; |
| + Ông Vũ Trọng Huân | - Phó Tổng Giám đốc. |

- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/ *(Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies)*). Công ty liên kết: Công ty CP nhựa Trường An

- + Địa chỉ: số 67 Phố Lý tự Trọng, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
- + Vốn điều lệ thực góp: 45 tỷ
- + Tỷ lệ sở hữu của HCD tại công ty Trường An: 37,50%

4. Định hướng phát triển/ *Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company..:*

- Trở thành Tập đoàn đa ngành, đa lĩnh vực có thương hiệu mạnh tại Việt Nam. Kế thừa và phát triển từ nền tảng của những ngành nghề tiên phong, cốt lõi để từng bước vươn ra thị trường quốc tế.

- Không ngừng đổi mới nâng cao chất lượng các sản phẩm - dịch vụ.
- Quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, giảm thiểu chi phí và rủi ro trong sản xuất - kinh doanh, tận dụng mọi tiềm năng, cơ hội để kịp thời nắm bắt tạo ra giá trị gia tăng bền vững.

- Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước nhằm thúc đẩy tiềm năng và nâng cao vị thế.

- Luôn ưu tiên đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động, mang lại lợi ích cho các cổ đông và nhà đầu tư góp phần vào sự phát triển chung của nền kinh tế Việt Nam.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term.:*

- HCD mong muốn trở thành một Tập đoàn sản xuất, kinh doanh và đầu tư có tiềm lực, năng động, có sức cạnh tranh mạnh mẽ, luôn luôn hướng đến chinh phục các mục tiêu cao hơn và là sự lựa chọn hàng đầu của mọi đối tác và khách hàng.

- HCD cam kết không ngừng đổi mới, thúc đẩy đầu tư một cách toàn diện nhằm phát triển, cung cấp các sản phẩm - dịch vụ chất lượng cao, giá cả hợp lý và thân thiện môi trường,

góp phần mang lại những giá trị tốt nhất cho khách hàng. Từ đó xây dựng lòng tin, mối quan hệ gắn bó với khách hàng và đối tác để phát triển bền vững.

- Vận hành nhà máy sản xuất bao bì hoạt động ổn định và đạt công suất tối đa như thiết kế, tối ưu chi phí nhằm mang lại hiệu quả cao.
- Không ngừng tìm kiếm và mở rộng thị trường, xúc tiến đầu tư và hợp tác với các đơn vị cung cấp, phân phối có tiềm lực. Đầu tư vào khoa học kỹ thuật để nâng cao giá trị sản phẩm và không ngừng đổi mới, hoàn thiện nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability:*

- Thứ nhất, HCD tập trung vào tăng trưởng bền vững. Để công ty duy trì được tốc độ tăng trưởng trong những năm tới, chúng tôi sẽ đầu tư mạnh hơn vào việc sáng tạo, công nghệ may móc, đẩy mạnh sản xuất để tạo ra nhiều sản phẩm mới nhằm phục vụ những thị trường xuất khẩu và các khu công nghiệp trong nước.
- Bên cạnh đó, chúng tôi vẫn duy trì những giá trị khác biệt để mang lại hiệu quả cạnh tranh cao. Trước đây HCD tập trung mạnh vào thị trường thương mại bản lẻ, các nhà máy, cơ sở sản xuất thì sắp tới chúng tôi sẽ tạo nên nhiều khác biệt trong việc tạo ra những lợi ích cho người sử dụng cuối cùng là người tiêu dùng với những dịch vụ hoàn hảo và túi tự hủy thân thiện với môi trường. Mục tiêu doanh thu cho năm 2020 của chúng tôi sẽ là 800 tỷ đồng.
- Công ty không ngừng phấn đấu để nâng cao thu nhập cho người lao động, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên. Tạo điều kiện thuận lợi để người lao động được học hỏi, nâng cao tay nghề, phát huy sự sáng tạo, đổi mới.
- Bên cạnh đó Công ty cũng cống hiến hết mình cho sự phát triển chung của toàn xã hội như tham gia các chương trình tình nguyện, giúp đỡ các gia đình gặp khó khăn, ủng hộ các tổ chức tại địa phương.

5. *Các rủi ro/ Risks:* (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/ *Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).*

- + Rủi ro về tỷ giá : do đặc thù kinh doanh XNK hạt nhựa và các sản phẩm từ nhựa.
- + Rủi ro do sự thay đổi của lãi suất ngân hàng.
- + Rủi ro về giá dầu mỏ thế giới biến động mạnh.
- + Rủi ro do sự thay đổi của cơ chế, chính sách.
- + Rủi ro về biến động nhanh của thị trường trong nước và thế giới.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2019/ Yearly Operations

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019/ Results of business operations in the year: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv./Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.:

+ Kết quả hoạt động sxkd năm 2019:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	
		Giá trị	% tăng/giảm so với năm 2018
Doanh thu thuần	570.738.442.382	710.901.840.469	24,56%
Lợi nhuận trước thuế	32.032.195.329	19.655.590.577	-38,99%
Lợi nhuận sau thuế	31.218.803.247	19.655.590.577	-37,04%

Doanh thu năm 2019 đạt hơn 710 tỷ đồng tăng 24,56% so với năm 2018, lợi nhuận sau thuế đạt hơn 19 tỷ đồng giảm 37,04% so với năm 2018.

+ **Những thay đổi ghi nhận năm 2019:** Vận hành nhà máy sản xuất bao bì HCD hoạt động ổn định, đạt full sản lượng.

+ Triển khai thêm mảng sản xuất “ tấm ốp nhựa đá”

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ Implementation situation/actual progress against the plan: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề./Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/ excess of the targets and against the preceding years.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 so với kế hoạch:

ĐVT: trđ

Chỉ tiêu (1)	Thực hiện (2)	Kế hoạch (3)	Tỷ lệ hoàn thành (4)=(2)/(3)
Dịch vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ	710.902	600.000	118,48%
Lợi nhuận sau thuế	19.656	35.000	56,16%

Năm 2019, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt hơn 710 tỷ đồng, đạt 118,48% doanh thu kế hoạch do trong năm các hoạt động kinh doanh của Công ty được duy trì và hoạt động ổn định. Nhà máy sản xuất bao bì HCD vận hành full sản lượng và đáp ứng yêu cầu thị trường.

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ List of the Board of Directors: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng

Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ *List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).

Danh sách, tóm tắt tỷ lệ sở hữu của Ban điều hành									
1	Nguyễn Đức Dũng		Chủ tịch HĐQT	01732 6668	09/06/2012	Hà Nội	F6 Khu đô thị mới Ngô Thị Nhậm, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	3.828.795	14,18%
2	Vũ Trọng Huân		Phó tổng GD	03007 70026 10	02/03/2017	Cục CS DKQL Cư trú và DLQG về DC	9B, ngách 12/2 Đặng Thai Mai, Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội	0	0%
3	Lê Thị Thu Thủy		TV HĐQT- Kiểm Kế Toán Trưởng	00118 20000 90	06/11/2012	Cục CS QLHC về TTXH	TT Công ty Xây Dựng Hào Nam, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, HN	333.750	1,24%
4	Hoàng Kim Thùy		Trưởng BKS	01175 5109	26/04/2008	Hà Nội	Số 338, Trường Chinh, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội	5,000	0.04%

5	Đoàn Thị Hoài		Thành Viên BKS	15193 3427	03/10/ 2007	Thái Bình	Hòa Bình, Hưng Hà, Thái Bình	5,000	0.04%
6	Nguyễn Thị Thanh Phương		Thành Viên BKS	01305 6958	27/10/ 2009	Hà Nội	Số 1/1/10, ngõ 1, Trần Quốc Hoàn, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	5,000	0.04%

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(*List the changes in the Board of Management of the year*): Trong năm 2019, Bổ nhiệm bà Lê Thị Thu Thủy giữ chức vụ Người phụ trách quản trị công ty của Công ty cổ phần Đầu tư sản xuất và thương mại HCD.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./*Number of staffs. Summary and changes of the employee policies*: Năm 2019 số lượng nhân sự công ty có sự thay đổi do nhà máy sản xuất bao bì HCD đi vào hoạt động, bình quân khoảng 70-90 lao động chính thức.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/*Investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/ *Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. In case the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.*: Hoàn thành việc đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bao bì tại KCN Khai Sơn, Thuận Thành, Bắc Ninh, đưa nhà máy đi vào hoạt động chính thức từ tháng 8/2017. Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất “Tấm ốp nhựa đá” vật liệu hoàn thiện mới trong ngành xây dựng.

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ (*Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies*).

Công ty liên kết: Công ty CP nhựa Trường An, Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại XNK hạt nhựa và kinh doanh vật liệu xây dựng.

4. Tình hình tài chính/ *Financial situation*a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm 2018/Year X-1	Năm 2019/Year X	% tăng giảm/ % change
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	444.994.798.826	456.861.621.118	2,67 %
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	570.738.442.382	710.901.840.469	24,56 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	32.997.112.946	19.667.097.479	-40,39 %
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	-964.917.617	-11.506.902	(98,81) %
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	32.032.195.329	19.655.590.577	-38,99 %
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	31.218.803.247	19.655.590.577	-37,04 %
<i>Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ Payout ratio</i>			
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>			
Doanh thu/ <i>Revenue</i>			
Thuế và các khoản phải nộp/ <i>Taxes and payables</i>			
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Before tax profit</i>			
Lợi nhuận sau thuế/ <i>After tax profit</i>			

- Các chỉ tiêu khác/ *other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/*depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial benchmarks*:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm 2018/Year X-1	Năm 2019/Year X	Ghi chú/ <i>Note</i>
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> :			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	3,57	3,28	

(<i>Short term Asset/Short term debt</i>) + Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> : <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> <i>Short term Debt</i>	2,17	2,12	
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio</i> + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)	0,24	0,25	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu(<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)	0,31	0,33	
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</i> + Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i> : Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)	6,25	5,74	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)	1,28	1,56	
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</i> + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	0,05	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	0,09	0,06	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	0,07	0,04	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần(<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	0,06	0,03	
.....			

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/*For credit institutions and non-bank financial institutions*:

Chỉ tiêu/ <i>Figures</i>	Năm/ <i>Year</i> X-1	Năm/ <i>Year</i> X	Ghi chú/ <i>Note</i>
1. Quy mô vốn/ <i>Capital scale</i>			

- Vốn điều lệ/ <i>Charter Capital</i>			
- Tổng tài sản có/ <i>Total assets</i>			
- Tỷ lệ an toàn vốn/ <i>Capital adequacy ratio</i>			
2. <i>Kết quả hoạt động kinh doanh/ Operating results</i>			
- Doanh số huy động tiền gửi/ <i>Cash deposits</i>			
- Doanh số cho vay/ <i>Lendings</i>			
- Doanh số thu nợ/ <i>Debt collection</i>			
- Nợ quá hạn/ <i>Outstanding debts</i>			
- Nợ khó đòi/ <i>Bad debt</i>			
- Hệ số sử dụng vốn/ <i>Incremental Capital Output Ratio</i>			
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh(<i>Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio</i>)			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ (<i>Overdue outstanding debts/ Total debt Ratio</i>)			
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ (<i>Bad debt/Total debt Ratio</i>)			
3. <i>Khả năng thanh khoản/ Solvency</i>			
- Khả năng thanh toán ngay/ <i>Short term solvency</i>			
- Khả năng thanh toán chung/ <i>General solvency</i>			

5. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) *Cổ phần/Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the*

rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.:

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 27,000,000 Cổ phần
- Số lượng cổ phần được chuyển nhượng tự do: 27,000,000 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/*Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders*.: Không có thay đổi nhiều

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./*Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*: Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/*Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/*Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*: Không có

e) Các chứng khoán khác/*Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance.*: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Report related impact of the Company on the environment and society

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/*The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/*The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/*Energy consumption - directly and indirectly.*

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*: Nguồn nước máy của KCN và nước máy thành phố

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*: Không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Compliance with the law on environmental protection*: Theo quy định chung

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*: Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ *Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers*: 80 người, Lương bình quân 12.000.000d/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*: Theo quy định chung của luật lao động

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*: 20 người

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*: Công ty tự tổ chức đào tạo theo chương trình của Ban giám đốc soạn thảo.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.* : Công ty tham gia ủng hộ trẻ em và đồng bảo lũ lụt theo các tổ chức thiện nguyện.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management* (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/*the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company*)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ *General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).*

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

+ Ổn định về mặt tổ chức, nhân sự trong năm.

+ Hoàn thiện các quy trình quản trị hệ thống.

+ Đào tạo các vị trí lãnh đạo cấp trung và cấp cao nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của hệ thống.

2. Tình hình tài chính/ *Financial Situation*

a) Tình hình tài sản/ *Assets*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results).*

Chỉ tiêu	Cuối năm 2019 (1)	Đầu năm 2019 (2)	Tỷ lệ tăng/giảm (%) (3)=((1)-(2))/(2)
TS ngắn hạn	327.744.238.605	312.919.164.800	4,74%
TS dài hạn	129.117.382.513	132.075.634.026	-2,24 %
Tổng cộng tài sản	456.861.621.118	444.994.798.826	2,67 %

Năm 2019, Công ty vẫn duy trì sự lớn mạnh về tiềm lực kinh tế với tổng giá trị tài sản tại thời điểm cuối năm 2019 là gần 457 tỷ đồng. Trong đó, tài sản ngắn hạn là hơn 327 tỷ, tài sản dài hạn là hơn 129 tỷ đồng. Tổng cộng tài sản đạt gần 457 tỷ đồng, tăng 2,67% so với đầu năm.

b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

Chỉ tiêu	Năm 2018 (1)	Năm 2019 (2)	Tỷ lệ tăng/(giảm) (%) (3)=((1)-(2))/(2)
Nợ ngắn hạn	87.588.742.370	99.880.220.885	14,03%
Nợ dài hạn	18.990.459.396	14.340.459.396	(24,48)%
Tổng Nợ phải trả	106.579.201.766	114.220.680.281	7,17%

Trong năm 2019, tổng nợ phải trả của Công ty là hơn 114 tỷ đồng tăng 7,17% so với cuối năm 2018. Nợ phải trả dài hạn của công ty giảm 24,48% so với năm 2018 và nợ phải trả ngắn hạn tăng 14,03% so với năm 2018. Với nguồn lực của mình, Công ty luôn đảm bảo các khoản nợ được thanh toán đầy đủ.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/*Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.:

- Nhìn chung năm 2019 là năm có nhiều biến động tình hình kinh tế trong và ngoài nước, điều này có ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị đánh giá năm 2019 hoạt động SXKD của Công ty đạt kỳ vọng của HĐQT và Ban giám đốc.

- Công ty luôn đề cao vấn đề an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công ty luôn quan tâm vấn đề nhân sự và đào tạo nâng cao tay nghề, trình độ cho CBCNV.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance

- Năm 2019 Ban giám đốc có nhiều cố gắng, nỗ lực để hoàn thành kế hoạch kinh doanh mà

- Có nhiều ý kiến cải tiến, sáng tạo giúp cho hoạt động kinh doanh triển khai thuận lợi.
- Đưa ra những định hướng tham mưu cho HĐQT trong kế hoạch phát triển năm 2019-2021

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors

- Năm 2020 Công ty luôn giữ ổn định cơ cấu tổ chức nhân sự.
- Điều hành quyết liệt, bám sát kế hoạch đã đề ra.
- Phân đầu đạt kế hoạch đặt ra cho năm 2020.
- Định hướng đầu tư vào Công ty lĩnh vực kinh doanh bất động sản và mở rộng quy mô sản xuất.

V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section*).

1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies)*).

Danh sách, tóm tắt tỷ lệ sở hữu của Ban điều hành									
1	Nguyễn Đức Dũng		Chủ tịch HĐQT	017326668	09/06/2012	Hà Nội	F6 Khu đô thị mới Ngô Thị Nhậm, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	3.828.795	14,18%
2	Vũ Nhân Tiến		Thành viên	013266847	06/5/2010	Hà Nội	Tổ dân phố số 3 Mễ Trì Thượng	0	0%

							Phường Mễ Trì, Quận Nam từ Liêm, HN		
3	Nguyễn Như Dương		Thành viên	14182 2572	28/07/ 2011	Hải Dương	94 Lý Tự Trọng, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	250.000	0,93%
4	Nguyễn Hữu Quyên		Thành viên	12520 2020	02/10/ 2002	Bắc Ninh	Xã Cánh Hưng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	372.000	1,38%
5	Lê Thị Thu Thủy		Thành viên	01336 7398	08/12/ 2010	Hà Nội	P303 A2 TT ĐH GTVT, 99 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	333.750	1,24%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee*). Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings*.

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1	01/2019/HCD/NQ-ĐHĐCĐ	27/4/2019	<p>* Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo của ban Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019. - Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019. - Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019. - Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018. - Thông qua Tờ trình thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 và dự toán năm 2019. - Thông qua Tờ trình về việc Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty - Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 - Thông qua Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức. - Thông qua Tờ trình về việc rút gọn một số ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp. - Thông qua Tờ trình về việc giao dịch với các bên liên quan năm

			2019.
2	0503/2019/HCD/NQ-HĐQT	05/03/2019	Thông qua kế hoạch và thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Thông qua nội dung họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
3	0603/2019/HCD/NQ-HĐQT	06/03/2019	Thay đổi ngày đăng ký cuối cùng tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
4	1803-1/2019/HCD/NQ-HĐQT	18/03/2019	Thay đổi thời gian trả cổ tức đợt 1 năm 2017 bằng tiền.
5	1803/2019/HCD/NQ-HĐQT	18/03/2019	Chuyển đổi loại chứng khoán từ chứng khoán loại 2 (chứng khoán hạn chế chuyển nhượng) sang chứng khoán loại 1 (chứng khoán tự do chuyển nhượng).
6	1104/2019/HCD/NQ-HĐQT	11/4/2019	Vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương.
7	2805/2019/HCD/NQ-HĐQT	28/5/2019	Thay đổi thời gian trả cổ tức đợt 2 năm 2017 bằng tiền.
8	2006/2019/HCD/NQ-HĐQT	20/6/2019	Nhất trí lựa chọn Công ty kiểm toán TTP là công ty kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính 2019.
9	2407/2019/HCD/NQ-HĐQT	24/07/2019	Thay đổi thời gian chi trả cổ tức đợt 1 năm 2017 bằng tiền.
10	2110/2019/HCD/NQ-HĐQT	21/10/2019	Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty, bà Lê Thị Thu Thủy.
11	1411/2019/HCD/NQ-HĐQT	14/11/2019	Thay đổi thời gian chi trả cổ tức đợt 2 năm 2017 bằng tiền, từ ngày 15/11/2019 sang ngày 15/4/2020.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the committees of the Board of Directors*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings*).

Stt No.	Thành viên HĐQT/ BOM's member	Chức vụ/ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ Day becoming/no longer member of the Board of Management	Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of attendance	Tỷ lệ tham dự họp/ Percentage	Lý do không tham dự họp/ Reasons for absence
1	Nguyễn Như Dương	Thành viên	21/9/2015	10/10	100%	Thành viên từ 21/9/2015
2	Vũ Nhân Tiến	Thành viên	10/01/2016	10/10	100%	Thành viên từ 10/9/2015

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.*

Stt No.	Thành viên HĐQT/ BOM's member	Chức vụ/ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ Day becoming/no longer member of the Board of Management	Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of attendance	Tỷ lệ tham dự họp/ Percentage	Lý do không tham dự họp/ Reasons for absence
1	Nguyễn Đức Dũng	Chủ tịch HĐQT	21/9/2015	10/10	100%	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng GD từ 21/9/2015
2	Lê Thị Thu Thủy	Thành viên	19/4/2018	10/10	100%	Thành viên từ 19/4/2018
3	Vũ Nhân Tiến	Thành viên	10/1/2016	10/10	100%	Thành viên từ 10/9/2015

2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/ *list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

Stt No.	Thành viên BKS <i>Members of Supervisor y Board</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS <i>Day becoming/no longer member of the Supervisory Board</i>	Số buổi họp BKS tham dự <i>Number of attendance</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Percentage</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1	Hoàng Kim Thùy	Trưởng ban	10/1/2016	02	100%	Trưởng ban kể từ ngày 10/1/2016
2	Nguyễn Thị Thanh Phương	Thành viên	10/1/2016	02	100%	Thành viên từ ngày 10/1/2016
3	Đoàn Thị Hoài	Thành viên	10/1/2016	02	100%	Thành viên từ ngày 10/1/2016

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings*).

- Các hoạt động của HĐQT đều tuân thủ đúng theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các cuộc họp định kỳ, hoặc đột xuất, sau đó triển khai kịp thời các Nghị quyết của HĐQT để Ban giám đốc điều hành thực hiện.

- Ban giám đốc điều hành tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT.

- Trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban giám đốc đã tuân thủ, bám sát và thực hiện các chủ trương chính sách theo đúng tinh thần Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/*Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General*

Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently).

STT	Họ tên	Chức vụ	Lương	Phụ cấp	Thù lao	Tổng cộng
1	Nguyễn Đức Dũng	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	84.000.000		60.000.000	152.760.000
2	Vũ Nhân Tiến	Thành viên HĐQT		-	36.000.000	36.000.000
3	Nguyễn Như Dương	Thành viên HĐQT	81.000.000		36.000.000	125.760.000
4	Nguyễn Hữu Quyên	Thành viên HĐQT		-	36.000.000	36.000.000
5	Dương Hữu Tuyển	Thành viên HĐQT			36.000.000	36.000.000
6	Vũ Trọng Huân	Phó TGD	69.000.000		-	77.760.000
9	Hoàng Kim Thùy	Trưởng ban kiểm soát		-	36.000.000	36.000.000
10	Nguyễn Thị Thanh Phương	Thành viên BKS		-	24.000.000	24.000.000
11	Đoàn Thị Hoài	Thành viên BKS		-	24.000.000	24.000.000
	Tổng cộng		234.000.000		288.000.000	621.249.231

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ *Transactions of internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons*): Có, được công bố thông tin theo đúng quy định

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights*). Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance*): Thực hiện nghiêm túc theo Điều lệ và các quy định về quản trị.

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/*Auditor's opinions: Chấp nhận toàn phần*

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/*Audited financial statements*

(Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided*).

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Dũng